CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Cửu Long An Giang

Ngày 30/09/2025	13,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.4%	**11.8%**	**18.8%**

DT thuần
Q3/25
542
tỷ VNĐ
QoQ: ▼39.0| -6.7%
YoY: ▲ 127| 30.7%

LN thuần
Q3/25
15.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.01| 103%
YoY: ▲ 11.9| 304%

LN sau thuế
Q3/25
14.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.53| 116%
YoY: ▲ 10.7| 317%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.2%
YoY: +/-▲ 1.4%

ROE (TTM)
Q3/25
3.1%
YoY: +/-▲ 1.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,000 - 13,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	667
Số lượng CPLH (CP)	50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,320
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	0.63
EPS	501
P/E	26.5

DT thuần
9T 2025
1,542
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 249| 19.2%

LN thuần
9T 2025
26.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.1| 153%

LN sau thuế
9T 2025
23.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.6| 174%

Cơ cấu sở hữu

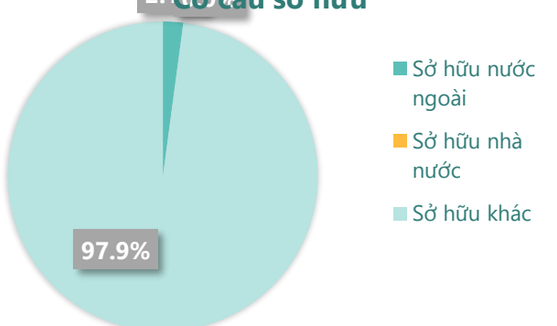

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

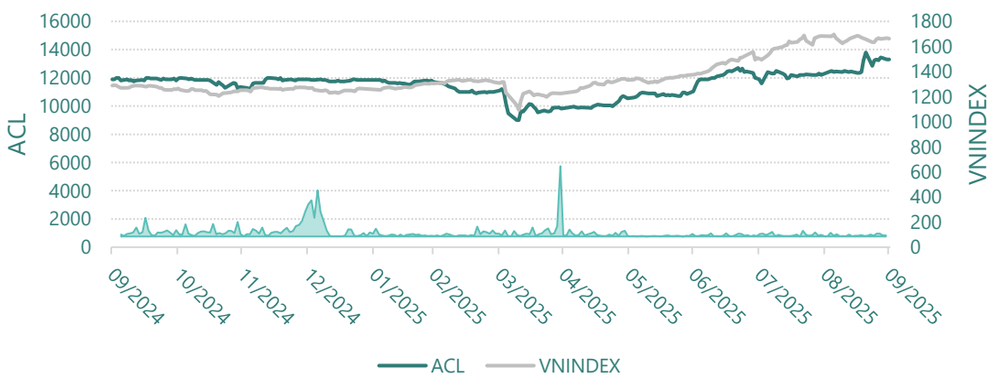

Cơ cấu cổ đông

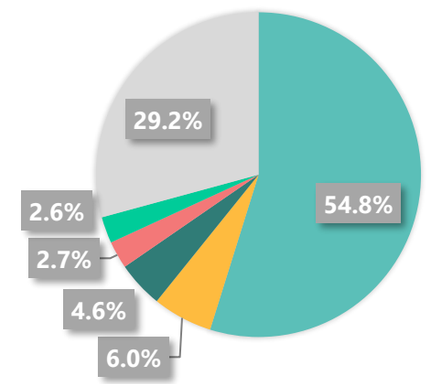

- Trần Thị Vân Loan (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thương Nhật Vi (Thành viên HĐQT)
- Trần Thị Thu Vân
- Trần Tuấn Khanh (Phó Tổng giám đốc)
- Trần Tuấn Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

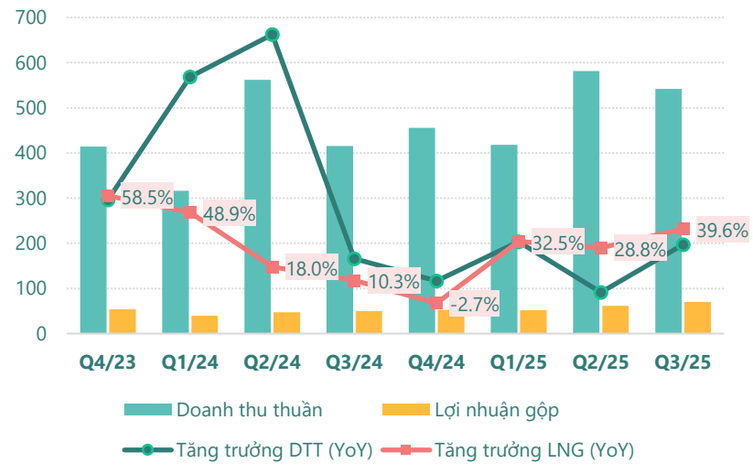

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

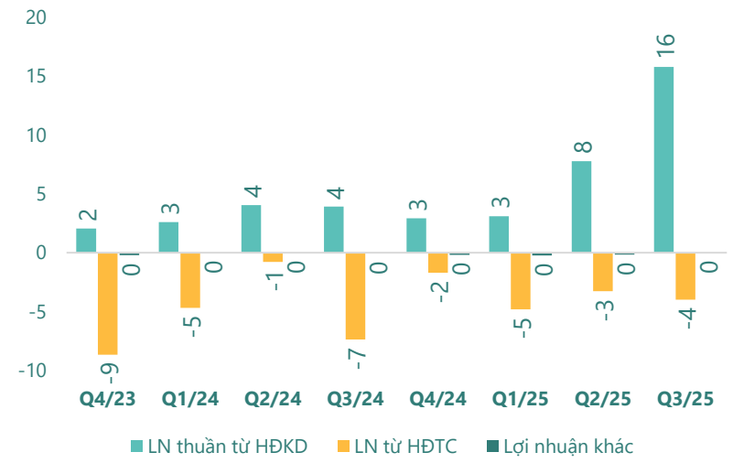

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

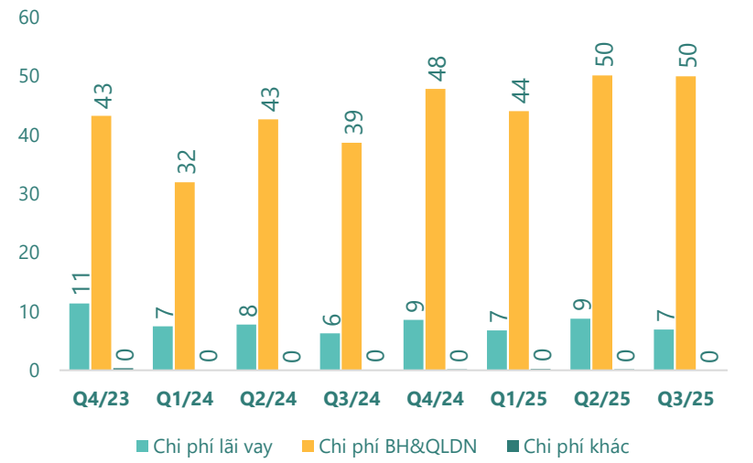

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

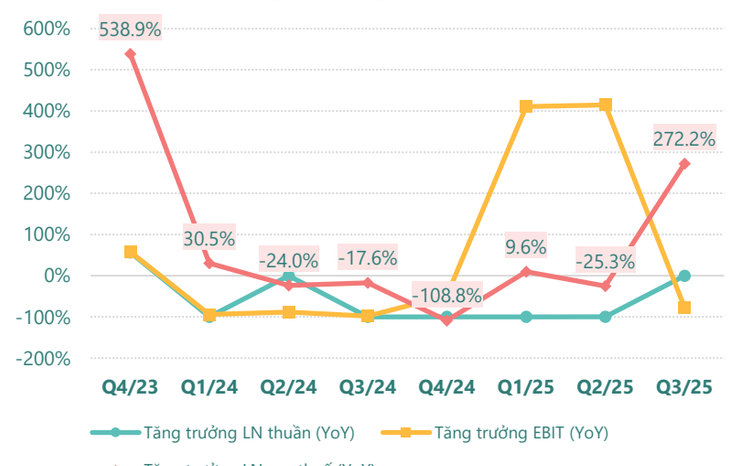

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

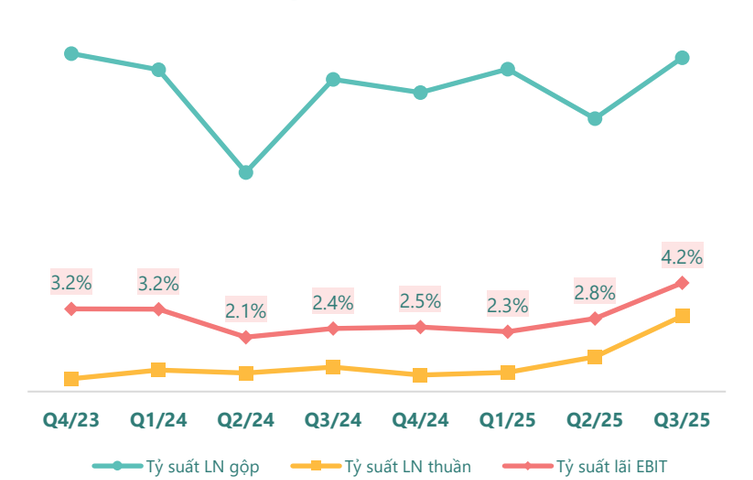

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

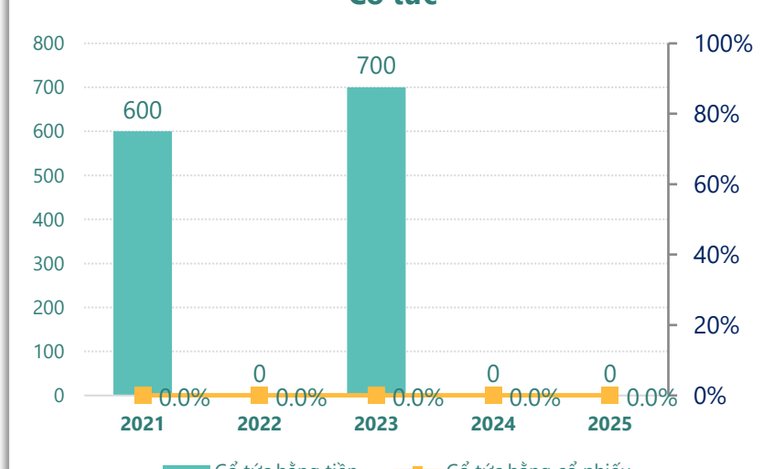

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

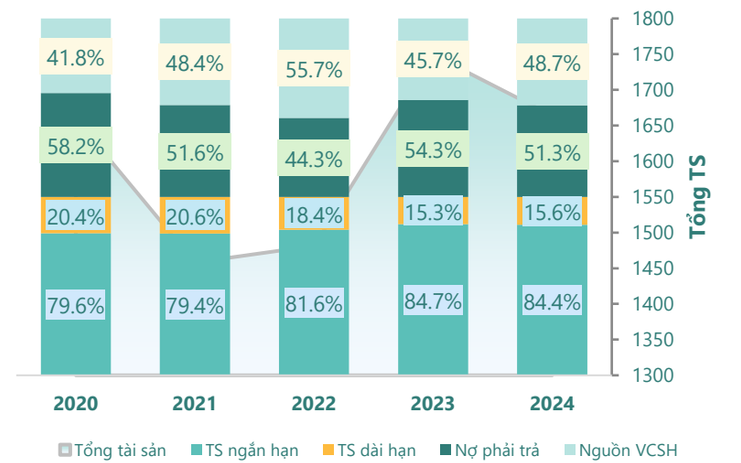

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

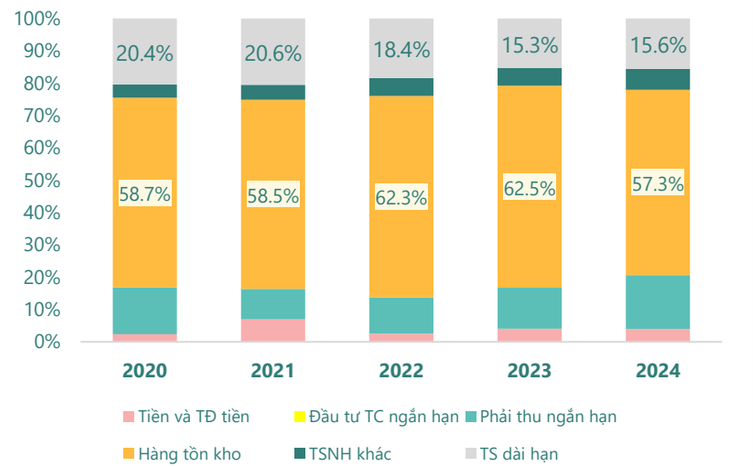

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

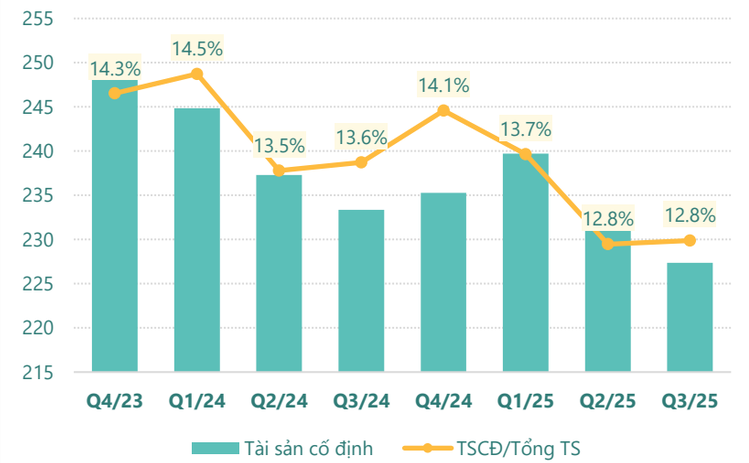

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

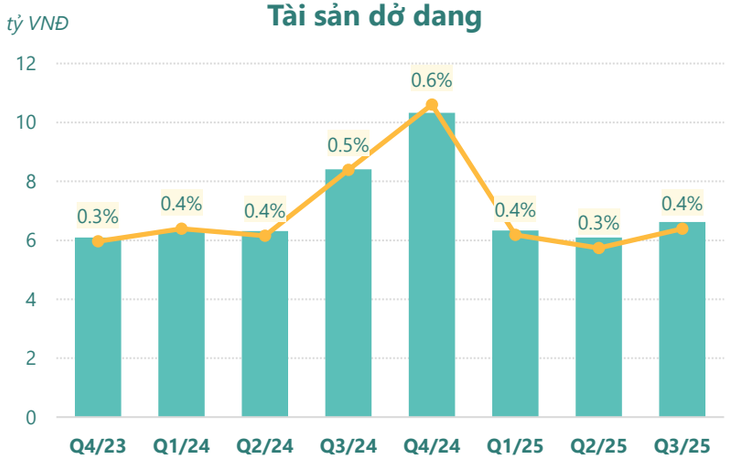

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

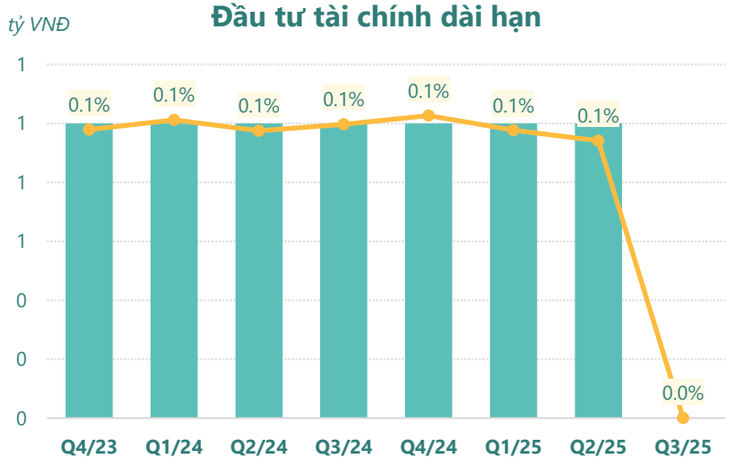

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

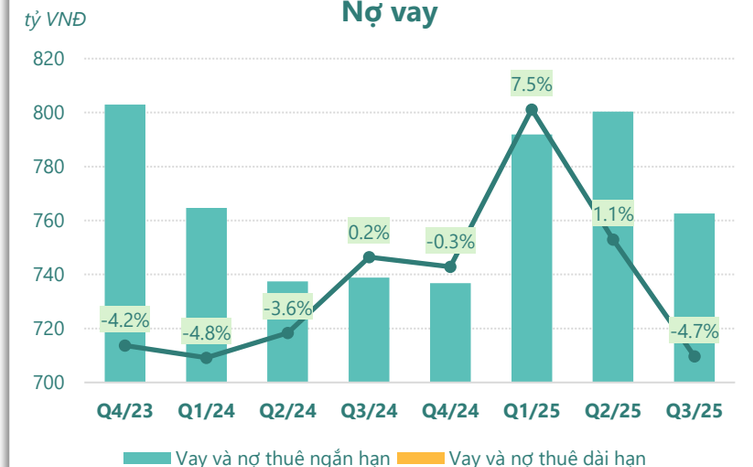

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

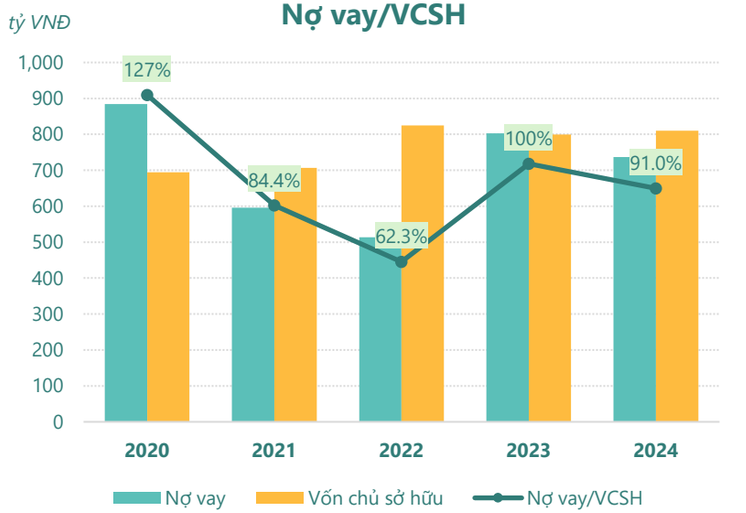

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

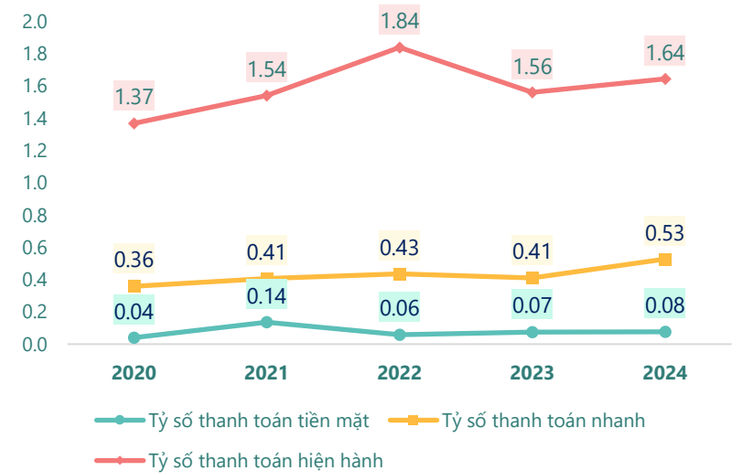

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

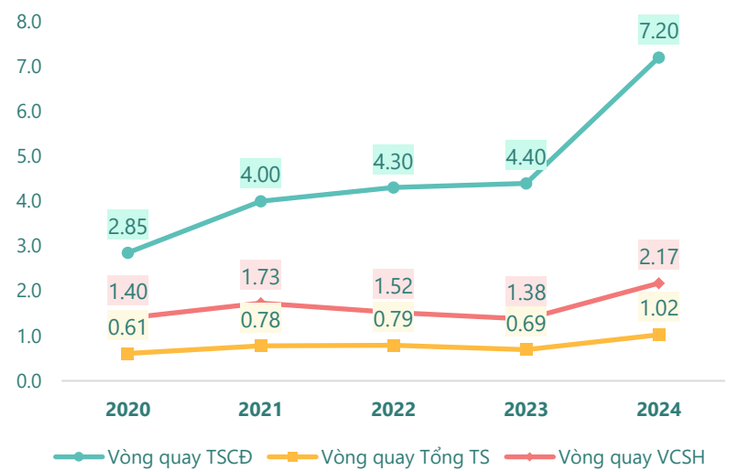

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

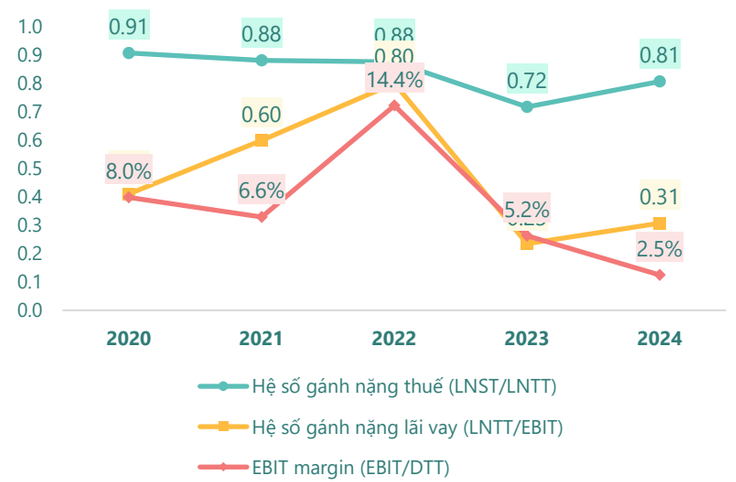

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

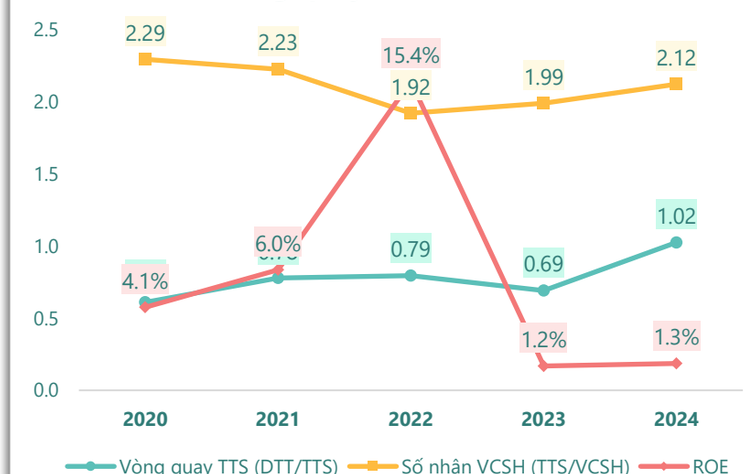

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

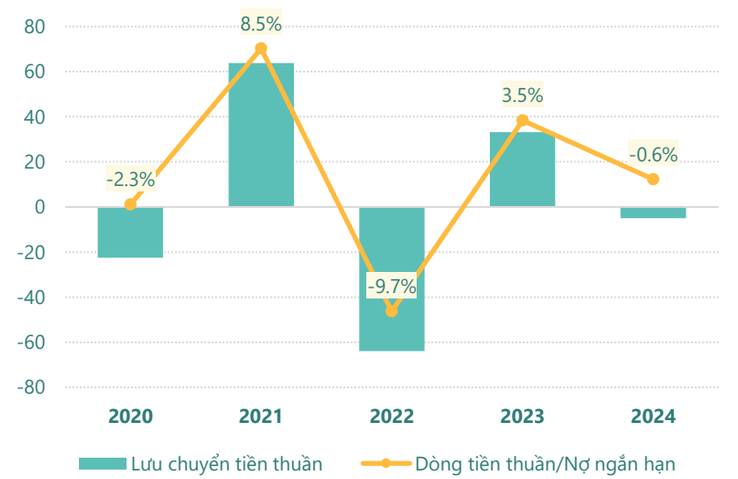

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**542**	**415**	**30.7%**	**1,542**	**1,293**	**19.2%**
Giá vốn hàng bán	472	365	29.4%	1,359	1,156	17.5%
Lợi nhuận gộp	69.8	50.0	39.6%	183	137	33.8%
Doanh thu HĐTC	3.11	1.02	204%	11.8	11.1	6.0%
Chi phí TC	7.11	8.41	-15.5%	23.9	24.0	-0.4%
Chi phí lãi vay	6.93	6.26	10.7%	22.5	21.5	4.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	33.3	28.8	15.8%	95.6	78.1	22.4%
Chi phí QLDN	**16.7**	**9.92**	**68.0%**	**48.7**	**35.2**	**38.1%**
LN thuần từ HĐKD	15.8	3.91	304%	26.7	10.6	153%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**-0.07**	**77.9%**	**-0.40**	**-0.14**	**-181%**
LN trước thuế	15.8	3.84	311%	26.3	10.4	152%
Lợi nhuận sau thuế	**14.0**	**3.35**	**317%**	**23.0**	**8.41**	**174%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.0**	**3.35**	**317%**	**23.0**	**8.41**	**174%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	71.8	-7.25	-10.1	-16.4	-11.7	75.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.61	-1.96	-7.90	-6.12	-20.4	17.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.2	1.39	-2.08	55.2	8.45	-37.7
Tiền đầu kỳ	50.0	94.0	86.2	66.1	98.7	75.0
Lưu chuyển tiền thuần	**44.0**	**-7.82**	**-20.1**	**32.6**	**-23.7**	**54.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.04	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	94.0	86.2	66.1	98.7	75.0	130

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,776**	**1,664**	**6.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,519	1,404	8.2%
Tiền và tương đương tiền	130	66.1	96.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	0	
Phải thu ngắn hạn	357	278	28.8%
Hàng tồn kho	899	953	-5.7%
Tài sản ngắn hạn khác	113	107	6.1%
Tài sản dài hạn	**257**	**260**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	227	235	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.62	10.3	-35.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	1.00	-100%
Tài sản dài hạn khác	**22.5**	**13.8**	**63.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	943	854	10.4%
Nợ ngắn hạn	**943**	**854**	**10.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	763	737	3.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	113	69.5	62.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**833**	**810**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**833**	**810**	**2.8%**
Vốn điều lệ	502	502	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)